

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 10-3-2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐST – HNGĐ ngày 04-6-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố V, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Xuân P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố M, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị Bích N trình bày:

Bà N xây dựng gia đình với ông Đinh Xuân P vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 15-01-2013.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P sử dụng ma túy, từ khi biết ông P nghiện ma túy bà đã nhiều lần khuyên ông P cai nghiện nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đôi khi còn xảy ra xô xát. Bà cho rằng khi ông P sử dụng ma túy thì ông P không làm chủ được bản thân, mất bình tĩnh, rơi vào trạng thái hoang tưởng, thường xuyên lấy dao đe dọa tính mạng của bà. Hiện nay ông P đã bị Công an phường X đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để thực hiện biện pháp cai nghiện. Từ trước thời điểm ông P đi cai nghiện bà và ông P đã sống ly thân.

Bà N xác định hiện nay không còn tình cảm với ông P do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà N và ông P có 01 con chung là cháu Đinh Phạm Khánh H, sinh ngày 04-8-2014. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 5 năm 2021 bị đơn ông Đinh Xuân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với điều kiện và thời gian kết hôn như bà N đã trình bày. Ông xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông sử dụng ma túy, khi bà N biết ông sử dụng ma túy bà N đã dẫn theo con về nhà ngoại sinh sống từ đầu năm 2021 đến nay. Ông nhiều lần hòa giải với bà N và hứa hẹn cai nghiện ma túy nhưng bà N không đồng ý.

Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông còn yêu thương bà N nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ sau khi ông cai nghiện được ma túy.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Phạm Khánh H, sinh ngày 04-8-2014. Trường hợp ly hôn ông đồng ý giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích N đối với ông Đinh Xuân P cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích N được ly hôn với ông Đinh Xuân P

Về con chung: Giao cháu Đinh Phạm Khánh H, sinh ngày 04-8-2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đinh Xuân P hiện đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà N, ông P là tranh chấp về ly hôn, nuôi con là những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Đinh Xuân P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Phạm Thị Bích N và ông Đinh Xuân P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 15-01-2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà N, ông P: Bà N xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông P nghiện ma túy, mỗi lần sử dụng ma túy thì ông P không làm chủ được bản thân, rơi vào trạng thái hoang tưởng, thường xuyên dùng dao đe dọa tính mạng của bà N. Bà N đã nhiều lần khuyên ông P tự cai nghiện nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ đầu năm 2021 đến nay bà N đã chuyển về nhà ngoại sinh sống, chính thức sống ly thân với ông P. Quá trình làm việc tại Tòa án bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông P, không đồng ý đoàn tụ gia đình vì không còn tình cảm với ông P.

Ông P cũng thống nhất vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do ông P nghiện ma túy. Hiện nay ông P đang thực hiện biện pháp cai nghiện tại Cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ông P không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà N và mong muốn đoàn tụ gia đình sau khi ông cai nghiện được ma túy.

Nhận thấy, ông P không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng bà N vẫn nhất quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ gia đình với ông P,

điều này khẳng định bà N hoàn toàn không còn tình cảm với ông P, hiện nay chỉ một mình ông P níu kéo cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông P đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà N đối với ông P.

Về con chung: Bà N và ông P có 01 con chung là cháu Đinh Phạm Khánh H, sinh ngày 04-8-2014. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông P cũng thống nhất giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó cần giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Bích N phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích N đối với ông Đinh Xuân P về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích N được ly hôn với ông Đinh Xuân P.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đinh Xuân P giao cháu Đinh Phạm Khánh H, sinh ngày 04-8-2014 cho bà Phạm Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đinh Xuân P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đinh Xuân P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bích N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006340 ngày 09-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Phạm Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên)

Phan Thu Hiền

